TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC HÒA** TỈNH LONG AN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 93/2023/HSST
Ngày: 31-7-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Văn Công Thức.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà: Lê Thị Thu Ba.
2. Bà: Lê Thị Xuân Đào

-Thư ký phiên tòa: Bà Kiều Thị Tùng Khương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Võ Quang Mãi, Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 91/2023/TLST-HS ngày 23 tháng 6 năm 2023, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 98/2003/QĐXXST-HS ngày 04/7/2023, đối với:

Bị cáo:

1. Trần Văn D, sinh ngày 07/5/1998; tên gọi khác: Không; giới tính: Nam. Nơi cư trú: Tổ 13, ấp K, xã V, huyện V, tỉnh Kiên Giang.

Nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Tạ Tương L, sinh năm 1970 (chết) và bà Trần Thị C, sinh năm 1974 (sống); anh chị, em ruột: Không. Vợ, con: Không.

Tiền sự: có 01 tiền sự.

Tại Quyết định số 753/QĐ-TA ngày 31/12/2019 của Toà án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh áp dụng biện pháp hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với Trần Văn D thời hạn 21 tháng. Dĩ chấp hành xong Quyết định ngày 05/6/2021.

Tiền án: có 01 tiền án.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 186/2021/HS-ST ngày 30/11/2021 của Toà án nhân dân huyện Đức Hoà, tỉnh Long An xử phạt Trần Văn D 01 năm tù, về tội Trộm cắp tài sản. Dĩ chấp hành xong hình phạt tù ngày 01/8/2022, chưa chấp hành xong án phí.

Nhân thân:

Tại Quyết định số 273/QĐ-TA ngày 22/6/2018 của Toà án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh áp dụng biện pháp hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với Trần Văn D thời hạn 15 tháng. Dĩ chấp hành xong Quyết định ngày 22/6/2019, tính đến thời điểm phạm tội được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính.

Bị cáo Trần Văn D đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/01/2023 đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện Đ, tỉnh Long An (có mặt).

2. Mai Trung T, sinh ngày 07/12/2005. Nơi sinh: Cà Mau.

Tên gọi khác: Không; giới tính: Nam.

Nơi cư trú: Khóm F, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Mai Hoàng T1, sinh năm 1979 (sống) và bà Nguyễn Thị Kim T2, sinh năm 1977 (sống); anh chị, em ruột có 02 người: Lớn sinh năm 1997, nhỏ sinh năm 2008. Vợ, con: Không.

Tiền án, tiền sự: Không.

Người đại diện hợp pháp cho bị cáo T: Ông Mai Hoàng T1, sinh năm 1979 và bà Nguyễn Thị Kim T2, sinh năm 1977. Cùng địa chỉ: Khóm F, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo T: Bà Phạm Thị Mai T3 là Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước thuộc Sở Tư pháp tỉnh Long An (có mặt).

Bị hại: Ông Nguyễn Văn D1, sinh năm 1977; địa chỉ: ấp Đ, xã B, huyện H, Tp . (vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Bà Đinh Thị H, sinh năm 1990; địa chỉ: Ấp R, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An (vắng mặt)

2. Ông Nguyễn Thanh H1, sinh năm 1971; địa chỉ: Ấp X, xã H, huyện Đ, tỉnh Long An (vắng mặt).

3. Ông Nguyễn Thanh T4, sinh năm 1986; địa chỉ: Ấp N, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An (vắng mặt).

4. Ông Nguyễn Văn L1, sinh năm 1986; địa chỉ: Ấp M, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An (vắng mặt).

5. Bà Mai Thị Kim Y, sinh năm 1997; địa chỉ: Khóm F, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau (có mặt).

Người làm chứng: Lê Đức T5, Nguyễn Minh T6 (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bị cáo Trần Văn D, Mai Trung T bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 07 giờ ngày 18 tháng 01 năm 2023, Trần Văn D gọi điện thoại cho Mai Trung T, kêu T đến nhà trọ của D tại ấp M, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An để chơi, T đồng ý và điều khiển xe mô tô biển số 62T2-4046 đến gặp D. Tại đây, do không có tiền tiêu xài nên D rủ T đi tìm tài sản của người khác chiếm đoạt bán lấy tiền tiêu xài cá nhân, D bàn bạc với nhau là T ngồi sau giật tài sản của người đi đường, còn D điều khiển xe mô tô chở T, T đồng ý. Sau đó, D điều khiển xe mô tô biển số 62T2-4046 chở T đi trên các tuyến đường nhựa khu vực xã M, huyện Đ, tỉnh Long An tìm tài sản chiếm đoạt. Đến khoảng 10 giờ cùng ngày, khi đi đến đoạn đường thuộc ấp M, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An, D và T nhìn thấy ông Nguyễn Văn D1 đang ngồi trên xe mô tô biển số 55Y8-6477 dừng cặp lề đường, ông D1 đang cầm 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, loại Galaxy A02S, màu xanh đen trên tay trái để nghe điện thoại nên D ra hiệu cho T chiếm đoạt điện thoại di động này, T đồng ý. D điều khiển xe vượt lên áp sát bên trái xe mô tô của ông D1, T ngồi sau dùng tay phải nhanh chóng giật lấy điện thoại di động của ông D1, D tăng ga điều khiển xe mô tô tẩu thoát. Lúc này, ông D1 truy hô và cùng người đi đường điều khiển xe mô tô truy đuổi liên tục theo phía sau D và T trên quảng đường khoảng 500m. Đến khoảng 10 giờ 30 phút cùng ngày, khi D và T đang trên đường tẩu thoát thì xe mô tô do D điều khiển va chạm vào xe mô tô biển số 35B2-565.26 do bà Đinh Thị H điều khiển đang lưu thông phía trước, cùng chiều với xe mô tô do D điều khiển làm D, T và bà H té ngã xuống đường, T bị người dân bắt quả tang giao Công an xã M, huyện Đ, tỉnh Long An xử lý, riêng D chạy bộ trốn thoát. Đến 18 giờ ngày 26/01/2023, D đến Công an huyện Đ, tỉnh Long An đầu thú hành vi phạm tội.

Vật chứng tạm giữ gồm: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, loại Galaxy A02S, màu xanh đen, sim số: 0903133577, số I 1: 355570753193922, số Imei 2: 359532593193922; 01 xe mô tô biển số: 62T2-4046; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi 9C, sim số: 0849953499, số Imei 1: 867619053909999, số Imei 2: 087619053910005.

Tại Kết luận định giá tài sản số 12/KL-HĐĐGTS ngày 31/01/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Đ, tỉnh Long An kết luận: "01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, loại Galaxy A02S, màu xanh đen, sim số: 0903133577, số I 1: 355570753193922, số Imei 2: 359532593193922, trị giá: 2.318.190 đồng."

Tại bản cáo trạng số 97/CT-VKSĐH ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An truy tố bị cáo Trần Văn D, Mai Trung T về tội "*Cướp giật tài sản*" theo điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự.

Sau khi phân tích, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm xã hội của hành vi mà bị cáo Trần Văn D, Mai Trung T gây ra; Đồng thời căn cứ vào nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trần Văn D, Mai Văn T7 phạm tội "Cướp giật tài sản".

Đề nghị áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; điểm h, o khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, 58 và Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Văn D mức án từ 4 năm 06 tháng tù đến 5 năm 06 tháng tù.

Đề nghị áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, 58, Điều 91, Điều 101 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Mai Trung T mức án 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù.

Về vật chứng:

Xe mô tô biển số 62T2-4046 là do Nguyễn Thanh H1, sinh năm 1971, nơi cư trú: ấp X, xã H, huyện Đ, tỉnh Long An đứng tên giấy chứng nhận đăng ký. Ông H1 bán xe mô tô này cho Nguyễn Thanh T4, sinh năm 1986, nơi cư trú: ấp B, xã H, huyện Đ, tỉnh Long An. Đến ngày 13/11/2022, ông T4 bán lại xe mô tô này cho bị cáo Mai Trung T, quá trình mua, bán xe mô tô không làm thủ tục sang tên chủ sở hữu. Đề nghị áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tịch thu, để bán đấu giá sung ngân sách nhà nước xe mô tô hiệu Spide, màu xanh – bạc, biển số 62T2-4046, vì đây là phương tiện các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội.

Đề nghị trao trả cho bị cáo Mai Trung T 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi 9C, sim số: 0849953499, số Imei 1: 867619053909999, số Imei 2: 087619053910005 vì không liên quan đến việc thực hiện hành vi phạm tội.

Về trách nhiệm dân sự: bị hại ông Nguyễn Văn D1 vắng mặt nhưng có lời khai đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và tiền bồi thường thiệt hại xong, không có yêu cầu gì khác nên đề nghị không xem xét.

Người bào chữa cho bị cáo T có ý kiến: thống nhất với nội dung mà cáo trạng truy tố đối với bị cáo T, chỉ xin Hội đồng xét xử cân nhắc xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự qui định tại các điểm b, s khoản 1 và

khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 90, 91 và Điều 101 của Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Mai Trung T.

Người đại diện hợp pháp của bị cáo T: đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T để bị cáo sớm hòa nhập cộng đồng.

Bà Mai Thị Kim Y trình bày: bà là chị ruột của bị cáo Mai Trung T, quá trình bị cáo T bị tạm giam, bà có tự nguyện bồi thường cho ông Nguyễn Văn D1 chi phí điều trị thương tích, chi phí sửa xe gắn máy, tổng số tiền là 3.000.000 đồng. Tại phiên tòa, bà Y không có ý kiến hay yêu cầu gì đối với bị cáo T liên quan đến số tiền trên.

Ông Nguyễn Văn L1 vắng mặt nhưng có lời khai: không yêu cầu bị cáo Mai Trung T bồi thường số tiền 500.000 đồng mà ông L1 nhận cầm cố giấy chứng nhận xe gắn máy biển số 62T2-4046.

Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An truy tố, không đưa ra chứng cứ nào để minh oan, chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra công khai tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, của bị cáo những người tham gia tố tụng khác.

[1]. Về hành vi, tội danh và các quyết định tố tụng:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. *Về xét xử vắng mặt,*

Tại phiên tòa, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, những người làm chứng vắng mặt nhưng họ đã có lời khai tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ, thể hiện trong hồ sơ vụ án nên việc vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử nên Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án theo thủ tục chung là đúng quy định tại Điều 292, 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3]. Về nội dung vụ án,

Tại phiên tòa, bị cáo Trần Văn D, Mai Trung T đều thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa đã truy tố.

Vì muốn có tiền tiêu xài nhưng không cần bỏ nhiều công sức lao động nên bị cáo Trần Văn D có hành vi điều khiển xe mô tô biển số 62T2-4046 chở Mai Trung T áp sát bị hại Nguyễn Văn D1 đang điều khiển xe mô tô lưu thông trên đường (thuộc khu vực ấp M, xã M), T dùng tay phải nhanh chóng giật lấy 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, loại Galaxy A02S, màu xanh đen, trị giá 2.318.190 đồng của ông D1 rồi cùng D nhanh chóng tẩu thoát, T bị người dân bắt quả tang, D chạy thoát. Đến ngày 26/01/2023, D đến Công an huyện Đ, tỉnh Long An đầu thú.

Lời khai nhận tội của các bị cáo trước tòa phù hợp với lời khai của bị hại, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản xác định địa điểm phạm tội, bản kết luận định giá tài sản và lời khai của những người làm chứng được xác minh, thẩm tra công khai tại phiên tòa, phù hợp với nội dung bản cáo trạng.

Từ đó Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để kết luận, hành vi mà bị cáo Trần Văn D, Mai Trung T gây ra đã phạm vào tội "*Cướp giật tài sản*", tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự.

Như vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An truy tố bị cáo Trần Văn D, Mai Trung T với tội danh và điều luật trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4]. Về hình phạt:

Hành vi của các bị cáo Trần Văn D, Mai Trung T gây ra là nguy hiểm cho xã hội. Hành vi này không những đã xâm phạm trực tiếp đến tài sản của bị hại mà còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự xã hội tại địa phương. Khi thực hiện hành vi, các bị cáo nhận thức được hành vi của bị cáo là trái pháp luật, nguy hiểm cho xã hội nhưng các bị cáo vẫn cố ý thực hiện, bất chấp pháp luật của Nhà nước nhằm thỏa mãn động cơ tư lợi cá nhân nên cần phải xử lý theo pháp luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, xét xử các bị cáo đều thành khẩn khai báo và tỏ ra ăn năm hối cải; bị cáo Trần Văn D đầu thú hành vi phạm tội; trong giai đoạn bị cáo T bị tạm giam, gia đình đã tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả cho bị hại, ông nội của bị cáo Mai Trung T là người có công với Cách mạng. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Trần Văn D có 01 tiền án về tội Trộm cắp tài sản chưa được xoá án tích nay lại tiếp tục phạm tội thuộc trường

hợp tái phạm, bị cáo xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội, là tình tiết tặng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, o khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Mai Trung T không có tình tiết tặng nặng trách nhiệm hình sự.

Xét tính chất, hành vi phạm tội của các bị cáo để cá thể hóa trách nhiệm hình sự: Trong vụ án này, các bị cáo D và bị cáo T thực hiện hành vi phạm tội không có sự câu kết chặt chẽ với nhau, trong đó D là người chủ mưu, cầm đầu, rủ rê và trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội với T, khi T chưa đủ 18 tuổi nên bị cáo D phải chịu trách nhiệm hình sự nặng hơn bị cáo T.

Do vậy, xét đề nghị của Kiểm sát viên về hình phạt từ có thời hạn như trên là phù hợp, khi lượng hình Hội đồng xét xử có xem xét giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự nhưng cũng cần cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định mới có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung cho xã hội.

[5]. Về hình phạt bổ sung, các biện pháp tư pháp: không.

[6]. Trách nhiệm dân sự: bị hại đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và tiền bồi thường thiệt hại xong, không có yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. Về xử lý vật chứng: Cần tịch thu, để bán đấu giá để sung ngân sách Nhà nước xe mô tô hiệu Spide, màu xanh – bạc, biển số 62T2-4046, vì đây là phương tiện các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội.

Cần trao trả cho bị cáo Mai Trung T 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi 9C, sim số: 0849953499, số Imei 1: 867619053909999, số Imei 2: 087619053910005 vì không liên quan đến việc thực hiện hành vi phạm tội, là phù hợp với Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Đối với vụ việc Trần Văn D điều khiển xe mô tô biển số 62T2-4046 va chạm vào xe mô tô biển số 35B2-565.26 do bà Đinh Thị H điều khiển đang lưu thông phía trước, cùng chiều với xe mô tô do Dĩ điều khiển gây tai nạn giao thông, do bà H chỉ bị thương tích nhẹ và xe mô tô biển số 35B2-565.26 bị hư hỏng nhẹ, bà H có đơn từ chối giám định thương tích và không yêu cầu xử lý hình sự, không yêu cầu bồi thường trách nhiệm dân sự, nên không đề cập giải quyết.

[8].Về án phí: Bị cáo Trần Văn D, Mai Trung T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm sung ngân sách Nhà nước là đúng quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Trần Văn D, Mai Văn T7 phạm tội "*Cướp giật tài sản*".

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h, o khoản 1 Điều 52; Điều 17, 58 và Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Văn D mức án 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 26/01/2023.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 17, 58, Điều 90, Điều 91 và Điều 101 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Mai Trung T mức án 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 18/01/2023.

Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 329 của Bộ luật Tố tụng Hình sự: Tiếp tục tạm giam các bị cáo Trần Văn D, Mai Trung T, thời hạn tạm giam là 45 ngày (kể từ ngày tuyên án 31/7/2023) để đảm bảo thi hành án.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu, để bán đấu giá để sung ngân sách nhà nước xe mô tô hiệu Spide, màu xanh – bạc, biển số 62T2-4046, số máy: VHLFM152FMHV-313407, số khung: RMNWCHNMN7H-003407, đây là phương tiện các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội.

Trao trả cho bị cáo Mai Trung T 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi 9C, sim số: 0849953499, số Imei 1: 867619053909999, số Imei 2: 087619053910005 vì không liên quan đến việc thực hiện hành vi phạm tội

Vật chứng hiện do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa đang quản lý theo quyết định chuyển vật chứng số 74/QĐ-VKSĐH ngày 20/6/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 133 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Trần Văn D, Mai Trung T mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm sung ngân sách nhà nước.

4. Về quyền kháng cáo

Án xử sơ thẩm, tuyên án công khai: bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo, người bào chữa cho bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án nhưng vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể ngày bản án được tống đạt hoặc được niêm yết theo quy định pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND tỉnh Long An;
- Sở Tư pháp tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- Công an huyện Đức Hòa;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- Cơ quan THAHS CA huyện Đức Hòa;
- Bị cáo, bị hại;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Văn Công Thức